ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1962/QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 17 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Công bố thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 /6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/ 4/ 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn Phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong về việc, công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 86/TTr-SNN-VP ngày 10/9/2019 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại Tờ trình số 2140/TTr-VPUBND ngày 13/9/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước *(Phụ lục kèm theo).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế:

Quyết định số 1172/QĐ-UBND ngày 03/6/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công, Sở Nông nghiệp và PTNT, các đơn vị trực thuộc Sở, UBND cấp huyện, UBND cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 3. Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Cục KS TTHC(VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- LĐVP, Phòng KSTTHC; TTPVHCC.
- Lưu: VT, (Ch).

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Văn Trăm

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1962/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Phần I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A.1. TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I. LĨNH VỰC THỦY LỢI				
1	BNN-BPC-288378	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	09	3,4
2	BNN-BPC-288379	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	11	3,4
3	BNN-BPC-288380	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	13	3,4
4	BNN-BPC-288381	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	15	3,4
5	BNN-BPC-288341	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	17	3,4
6	BNN-BPC-288348	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	20	3,4
7	BNN-BPC-288342	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	23	3,4
8	BNN-BPC-288350	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	26	3,4

9	BNN-BPC-288346	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	29	3,4
10	BNN-BPC-288343	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	32	3,4
11	BNN-BPC-288351	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	35	3,4
12	BNN-BPC-288345	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh	38	3,4
13	BNN-BPC-288349	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	41	3,4
14	BNN-BPC-288347	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	44	3,4
15	BNN-BPC-288344	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	47	3,4
16	BNN-BPC-288352	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh	50	3,4
17	BNN-BPC-288337	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	53	3,4
18	BNN-BPC-288338	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	54	3,4
19	BNN-BPC-287773	Thẩm định dự án (Báo cáo nghiên cứu khả thi), thẩm định thiết kế cơ sở công trình thủy lợi, nông nghiệp và phát triển nông thôn.	56	2
20	BNN-BPC-288015	Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình thủy lợi, nông nghiệp và phát triển nông thôn	62	2
21	BNN-BPC-288422	Thẩm định thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình	66	2
II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				
1	BNN-BPC-288437	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng đối với khu rừng đặc dụng thuộc	70	3,4

		địa phương quản lý		
2	BNN-BPC-288438	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ đối với khu rừng phòng hộ thuộc địa phương quản lý	72	3.4
3	BNN-BPC-288439	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ đối với khu rừng thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý	74	3,4
4	BNN-BPC-288440	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	76	3,4
5	BNN-BPC-288442	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập	78	3,4
6	BNN-BPC-288443	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	80	3,4
7	BNN-BPC-288444	Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	82	3,4
8	BNN-BPC-288445	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	94	3,4
9	BNN-BPC-288446	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	99	3.4
10	BNN-BPC-288447	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp tỉnh)	104	3,4
11	BNN-BPC-288458	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II, III CITES	111	3,4
12	BNN-BPC-288318	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	125	3,4
13	BNN-BPC-288288	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư)	157	3,4
III. VĂN PHÒNG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT				
III. 1.Lĩnh vực Trồng trọt – Bảo vệ thực vật				
1	BNN-BPC-288215	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	159	3,4
2	BNN-BPC-288217	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	164	3,4
3	BNN-BPC-288213	Công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm hàng hóa đặc thù chuyên ngành nông nghiệp	166	3,4
4	BNN-BPC-287821	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	170	3,4
5	BNN-BPC-288189	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	173	3,4
6	BNN-BPC-	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn	177	3,4

	288190	quả lâu năm		
7	BNN-BPC-288191	Cấp lại giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	179	3,4
8	BNN-BPC-288192	Tiếp nhận công bố hợp quy phân bón – thuốc bảo vệ thực vật	181	3,4
9	BNN-BPC-288219	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo	186	3,4
10	BNN-BPC-287823 - TT	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	189	3,4
11	BNN-BPC-287824	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	195	3,4
12	BNN-BPC-287822	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật	198	3,4
III.2. Lĩnh vực Chăn nuôi - Thú y				
1	BNN-BPC-288090	Cấp/Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	201	3,4
2	BNN-BPC-288315	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	205	3,4
3	BNN-BPC-288316	Cấp/Cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	208	3,4
4	BNN-BPC-288099	Cấp/gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	214	3,4
5	BNN-BPC-288101	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	219	3,4
6	BNN-BPC-288103	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	222	3,4
7	BNN-BPC-288317	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	225	3,4
8	BNN-BPC-288304	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	236	3,4
9	BNN-BPC-288128	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.	241	3,4
10	BNN-BPC-288125	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.	245	3,4
III.3. Lĩnh vực Quản lý Chất lượng nông lâm sản và thủy sản				
1	BNN-BPC-288020	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	247	3,4
2	BNN-BPC-288021	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản	251	3,4
3	BNN-BPC-288022	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 6 tháng tính đến ngày giấy chứng nhận ATTP hết hạn)	258	3,4
4	BNN-BPC-	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực	261	3,4

	288023	phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản (Trường hợp giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc, hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP)		
III. 4. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
1	BNN-BPC-288390	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp tỉnh)	263	3,4

A.1.2 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG

1	B-BNN-BPC-287774-TT	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh	266	3,4

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I. LĨNH VỰC KINH TẾ HỢP TÁC				
1	BNN-BPC-287778	Cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại	272	2
2	BNN-BPC-287780	Cấp lại giấy chứng nhận kinh tế trang trại	274	2
3	BNN-BPC-287786	Cấp đổi giấy chứng nhận kinh tế trang trại	276	2
4	BNN-BPC-287777	Bố trí ổn định dân cư trong huyện	277	2
5	BNN-BPC-287776	Bố trí ổn định dân cư ngoài huyện, trong tỉnh	278	2
6	BNN-BPC-288389	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp huyện)	279	2
II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP				
1	BNN-BPC-288489	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	282	2
2	BNN-BPC-288289	Điều chỉnh thiết kế dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, UBND cấp xã quyết định đầu tư)	284	2
3	BNN-BPC-288448	Xác nhận bảng kê lâm sản (cấp huyện)	286	2
III. LĨNH VỰC THỦY LỢI				
1	BNN-BPC-288353	Thẩm định, phê duyệt quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi do UBND cấp tỉnh phân cấp (UBND cấp huyện phê duyệt)	288	2
2	BNN-BPC-288383	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm	290	2

		quyền của UBND cấp huyện		
3	BNN-BPC-288384	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	292	2
4	BNN-BPC-288385	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 2 xã trở lên)	294	2
5	BNN-BPC-288386	Thẩm định và phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND huyện (trên địa bàn từ 2 xã trở lên)	296	2

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT	Mã số hồ sơ	Tên thủ tục hành chính	Trang	Mức DVC
I.LĨNH VỰC THỦY LỢI				
1	BNN-BPC-288354	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	298	2
2	BNN-BPC-288387	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	300	2
3	BNN-BPC-288388	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	302	2
4	BNN-BPC-288488	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	304	2
5	BNN-BPC-288487	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	303	2
6	BNN-BPC-28848	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	323	2